

Bản án số: 339/2024/HS-ST
Ngày: 11/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Thắm và ông Trần Quốc Đẩu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiên Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Đậu Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 313/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 284/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vũ Văn C; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 06 tháng 8 năm 1993 tại huyện Y, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKNKTT: khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: Phòng 1503, chung cư T, khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Văn H; Con bà: Nguyễn Thị H1; Vợ cũ: Nguyễn Thị Hằng S (Đã Ly hôn), có 01 con chung; Vợ hiện nay: Nguyễn Thị Quỳnh T (Đăng ký kết hôn ngày 18/6/2024), có 01 con chung; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Quỳnh T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 10 tháng 12 năm 1990 tại thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKNKTT: xóm H, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: Phòng 1503, chung cư T, khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu T1; Con bà: Trương Thị Kim L; Chồng cũ: Nguyễn Đình L1 (Đã Ly hôn), có 01 con chung; Chồng hiện nay: Vũ Văn C (Đăng ký kết hôn ngày 18/6/2024), có 01 con chung; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Hằng S, sinh năm 1994; Nơi ĐKHKT: khối T, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: K, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/11/2020, Vũ Văn C đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Hằng S theo giấy đăng ký kết hôn số 60/2020 do UBND xã N, TP V cấp và có 01 (Một) con chung là cháu Vũ Thanh T2, sinh ngày 15/10/2021. Vào khoảng tháng 12/2021, Vũ Văn C đang có vợ nhưng vẫn nảy sinh quan hệ tình cảm với Nguyễn Thị Quỳnh T (T đã ly hôn chồng ngày 29/7/2022). Thời điểm này, T biết rõ Vũ Văn C đang có vợ là Nguyễn Thị Hằng S nhưng T vẫn tiếp tục quan hệ tình cảm với C. Đến ngày 08/01/2022, chị Nguyễn Thị Hằng S phát hiện Vũ Văn C và Nguyễn Thị Quỳnh T đi ra từ căn hộ số 1905, Chung cư H (Là nhà của chị S và C). Khi đó, do chị S nghi ngờ C có quan hệ tình cảm với bị cáo T nên chặn bị cáo T lại để hỏi thì bị Vũ Văn C dùng tay đánh chị S gây ra các vết bầm tím ở cổ tay, chân và giật tóc chị S xuống đất, sau đó C cùng T bỏ đi. Đến tháng 7/2022, Vũ Văn C và Nguyễn Thị Quỳnh T chuyển đến Phòng 1503, Tòa nhà CT21, Trung Đ, khối T, phường H, TP V (Là căn hộ chung cư của T) và chung sống như vợ chồng với nhau. Ngày 15/5/2023, Nguyễn Thị Quỳnh T và Vũ Văn C đã có 01 (Một) con chung (Theo Giấy chứng sinh số 22515, quyền số 004/2021, Bệnh viện S1). Ngày 09/10/2023, C nộp đơn khởi kiện đề nghị được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hằng S. Tại bản án số 20 ngày 11/4/2024, Tòa án nhân dân thành phố Vinh đã quyết định “Cho ly hôn giữa anh Vũ Văn C và chị Nguyễn Thị Hằng S”. Bản án có hiệu lực thi hành ngày 11/5/2024.

Ngày 07/3/2024, Cơ quan CSĐT Công an T3 đã trưng cầu V Bộ C1 giám định ADN để xác định con của bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh T có phải là con đẻ của anh Vũ Văn C hay không. Tại Bản kết luận giám định số 1728 ngày 12/4/2024 của V, Bộ C1, kết luận như sau: “Vũ Văn C là cha đẻ của cháu bé ghi là con của Nguyễn Thị Quỳnh T với xác suất 99,99%” (Thời điểm này con của T chưa được đăng ký khai sinh).

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Hằng S yêu cầu Vũ Văn C bồi thường các khoản: Bồi thường tổn thương sức khỏe: 5.000.000 đồng; Bồi thường tâm lý tinh thần, danh dự của chị S: 35.000.000 đồng, của bố mẹ chị S: 20.000.000 đồng và của con chị S là 40.000.000 đồng; Bồi thường tiền công chăm sóc gia đình và nuôi con từ thời gian sinh con là ngày 15/10/2021 đến ngày 11/4/2024 với số tiền 7.000.000 đồng mỗi tháng tổng là 210.000.000 đồng. Tổng số tiền chị S yêu cầu C bồi thường là 310.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 326/CT-VKS-TPV ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An truy tố Vũ Văn C và Nguyễn Thị Quỳnh T về tội “Vi phạm chế độ một vợ một chồng” theo điểm a khoản 1 Điều 182 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh giữ quyền công tố luận tội tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 182; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điều 34 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt cảnh cáo đối với bị cáo Vũ Văn C về tội “Vi phạm chế độ một vợ một chồng”.

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 182; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 34 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt cảnh cáo đối với bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh T về tội “Vi phạm chế độ một vợ một chồng”.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc Vũ Văn C phải bồi thường thiệt hại về dân sự cho chị Nguyễn Thị H2 Sô số tiền 110.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo đều phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và bị cáo C phải chịu án phí DSST.

Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết. Các bị cáo không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Vũ Văn C có ý kiến xin chịu trách nhiệm bồi thường tổng số tiền 110.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Hằng S. Trong đó Bồi thường tổn thương sức khỏe: 5.000.000 đồng; Bồi thường tâm lý tinh thần, danh dự của chị S: 35.000.000 đồng; Bồi thường tiền công chăm sóc gia đình và nuôi con từ thời gian sinh con cho chị S với số tiền 70.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hằng S đồng ý với ý kiến về mức bồi thường mà bị cáo C đề xuất và chấp nhận mức bồi thường thiệt hại bị cáo C phải bồi thường cho chị S số tiền: 110.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hiện nay việc vi phạm chế độ một chồng xảy ra nhiều trong xã hội nên xem xét để đưa ra mức hình phạt thích đáng nhằm răn đe đối với người phạm tội. Chị S không đồng ý với mức hình phạt Đại diện Viện kiểm sát đưa ra vì mức hình phạt nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố T3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát quy kết. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến ngày 11/5/2024, mặc dù đã đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị Hằng S (sinh năm 1994, trú tại khối T, phường H, TP V) nhưng Vũ Văn C vẫn có quan hệ tình cảm và từ tháng 7 năm 2022 sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị Quỳnh T (T biết việc C chưa ly hôn với chị S). C và T đã có với nhau một người con chung vào ngày 15/5/2023. Hành vi này của C và T làm cho mối quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị Hằng S và Vũ Văn C dẫn đến ly hôn.

Hành vi của các bị cáo thực hiện đã phạm vào tội “Vi phạm chế độ một vợ một chồng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 182 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ hôn nhân gia đình một vợ một chồng được pháp luật bảo vệ, hành vi của các bị cáo thể hiện thái độ coi thường pháp luật, trái đạo đức xã hội, đáng lên án. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm minh đối với các bị cáo.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa các bị cáo đã nhận thức rõ hành vi sai trái và có lời xin lỗi đến người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngoài ra bị cáo C đã xin nộp một phần tiền bồi thường dân sự cho chị S để sửa chữa bồi thường, khắc phục hậu quả ... nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo C; bị cáo T có mẹ được bộ trưởng Bộ Y tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp dân số và bố được chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T; Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, thể hiện sự khoan hồng của nhà nước đối với người phạm tội và vẫn đảm bảo được tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

[2.3]. Về bồi thường dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Hằng S đưa ra yêu cầu Vũ Văn C bồi thường các khoản với tổng số tiền chị S yêu cầu C bồi thường là 310.000.000 đồng.

Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo C và chị S đã thống nhất thỏa thuận lại số tiền bồi thường là 110.000.000 đồng. Trong đó bồi thường tổn thương sức khỏe 5.000.000 đồng, bồi thường tổn thất tinh thần 35.000.000 đồng và bồi thường tiền công chị S chăm sóc gia đình và con từ khi con sinh ra cho đến thời điểm ly hôn là 70.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo C và chị S thống nhất bị cáo C có

nghĩa vụ bồi thường dân sự cho chị S số tiền là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), HĐXX xét thấy việc thỏa thuận của bị cáo C, chị S là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận, Do bị cáo C đã tự nguyện nộp số tiền bồi thường cho chị S là 40.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh nên cần tuyên chị S được nhận số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) này, bị cáo C còn phải bồi thường số tiền còn lại cho chị S là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

[2.4]. Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật. Bị cáo Vũ Văn C có trách nhiệm bồi thường dân sự cho chị S số tiền 110.000.000 đồng. Do bị cáo C đã tự nguyện nộp số tiền bồi thường 40.000.000 đồng trước khi xét xử nên không phải chịu án phí đối phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền đã nộp, số tiền bị cáo C còn phải bồi thường là 70.000.000 đồng nên bị cáo C phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 182; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điều 34 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Phạt cảnh cáo đối với bị cáo Vũ Văn C về tội “Vi phạm chế độ một vợ một chồng”.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 182; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 34 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Phạt cảnh cáo đối với bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh T về tội “Vi phạm chế độ một vợ một chồng”.

3. Về phần trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 590, 592 Bộ luật dân sự:

Bị cáo Vũ Văn C phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị H2 Sa số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), trong đó:

+ Chị Nguyễn Thị Hằng S được nhận số tiền bồi thường dân sự là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) do bị cáo C đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006936 ngày 07/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh.

+ Buộc bị cáo Vũ Văn C còn phải tiếp tục bồi thường cho chị Nguyễn Thị H2 Sa số tiền bồi thường dân sự còn lại là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 điều 23, điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Vũ Văn C và Nguyễn Thị Quỳnh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Văn C phải chịu 3.500.0000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đối với phần trách nhiệm dân sự trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND thành phố Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Vinh;
- Công an thành phố Vinh;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND nơi cư trú của bị cáo
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Thanh Hương